

Bản án số: 389/2020/HSST

Ngày: 28/7/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Thu Thương.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Trung Diễn
2. Ông Trần Văn Chánh
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Cán bộ Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 375/2020/HSST ngày 09 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 405/2020/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Ngọc T. Giới tính: Nam

Sinh năm 1981, tại Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Tiên Thôn, xã Hoàng Tiến, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Không. Chức vụ: Không

Trình độ học vấn: Lớp 09/12.

Họ tên cha: Lê Ngọc Miến, sinh năm 1947, còn sống.

Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Đông, sinh năm 1952, còn sống.

Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ ba.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 23/3/2020, chuyển tạm giam theo Lệnh số 402 ngày 31/3/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Ngọc T là người sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 09 giờ ngày 23/3/2020, T đi đến khu vực đường Bùi Viện thuộc Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh mua của người phụ nữ (Không rõ nhân thân, lai lịch) 01 gói Heroin với giá 180.000đ (Một trăm tám mươi nghìn đồng), người phụ nữ cho T thêm 01 gói ma

túy tổng hợp (Hàng đá). Sau đó, T chia 01 gói Heroin nêu trên thành 05 gói Heroin nhỏ gồm: 03 gói giấy, 01 gói nylon và 01 đoạn ống hút để sử dụng.

Khoảng 14 giờ 50 phút cùng ngày, T cất giấu 06 gói ma túy trên (gồm 03 gói giấy, 01 gói nylon và 01 tép Heroin và 01 gói ma túy tổng hợp) trong bao thuốc lá hiệu Thăng Long để trong giỏ xe đạp hiệu Martin và điều khiển xe đạp đi đến khu vực bãi đất trống thuộc tổ 9, khu phố 3, phường An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thì bị Công an phường An Hòa, thành phố Biên Hòa kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang.

Quá trình điều tra, Lê Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án:

+ 01 (Một) gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng đã được niêm phong có chữ ký của Lê Ngọc T và hình dấu mộc tròn của Công an phường An Hòa, thành phố B (Ký hiệu M1).

+ 01 (Một) gói nylon hàn kín, 03 (ba) gói giấy và 01 (một) đoạn ống nhựa hàn kín đều chứa chất bột màu trắng đã được niêm phong có chữ ký của Lê Ngọc T và hình dấu mộc tròn của Công an phường An Hòa, thành phố B (Ký hiệu M2).

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Masstel, số IMEI: 358460086743766 không liên quan đến vụ án.

+ 01 (Một) xe đạp hiệu Martin của Lê Ngọc T sử dụng vào việc phạm tội.

Tại Kết luận giám định số 597/KLGD-PC09 ngày 27/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận:

“Mẫu tinh thể màu trắng (Ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,0139gam, loại: Methamphetamine.

Mẫu chất bột màu trắng (Ký hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,2256gam, loại: Heroin (Heroine).”

Tại cáo trạng số 390/CT/VKS-BH ngày 06 tháng 7 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Lê Ngọc T, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh như đã nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Lê Ngọc T mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo Lê Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. B, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo Lê Ngọc T khai nhận, bị cáo là người nghiện ma túy.

Vào khoảng 14 giờ 50 phút ngày 23/3/2020, tại tổ 9, khu phố 3, phường An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Lê Ngọc T có hành vi tàng trữ trái phép 0,2256gam Heroin và 0,0139gam Methamphetamine thì bị Công an phường An Hòa, thành phố B kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang.

[3] Về tội danh:

Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Lê Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thành phố B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây tác hại cho sức khỏe và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo cũng đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, bị cáo cũng nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Song với nhu cầu của bản thân mà bị cáo đã bất chấp pháp luật và cố tình vi phạm. Nên cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án tiền sự nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Với các tình

tiết giảm nhẹ trên, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy với số lượng không lớn, mục đích tàng trữ để sử dụng cho bản thân mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy. Bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, bản thân lại nghiện chất ma túy, nên không có điều kiện để thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (Một) xe đạp hiệu Martin của bị cáo Lê Ngọc T sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Lê Ngọc T 01 (Một) điện thoại di động hiệu Masstel, số IMEI : 358460086743766 do không liên quan đến vụ án.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự TP. B).

[9] Đối với người phụ nữ (không rõ tên, địa chỉ) có hành vi bán ma túy cho Loan, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[10] Về án phí: Bị cáo Lê Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B tại phiên tòa, xét thấy tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Lê Ngọc T mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/3/2020.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu và tiêu hủy: 0,0139gam và 0,2256gam ma túy còn lại sau giám định, được niêm phong trong 01 gói niêm phong số 597/KLGD-PC09 ngày 27/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai (Mẫu vật còn lại sau giám định) là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (Một) xe đạp hiệu Martin của bị cáo Lê Ngọc T sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Lê Ngọc T 01 (Một) điện thoại di động hiệu Masstel, số IMEI : 358460086743766 do không liên quan đến vụ án.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự TP. B).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Ngọc T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Lê Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nội nhần:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP B;
- Thi hành án hình sự;
- Trại giam TP B;
- Bị cáo;
- Lầu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thu Thương